

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 31-7-2024  
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Kim Lên

2. Bà Đỗ Mỹ Lil

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn Ú, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 02/5/2024 và đơn xin vắng mặt ngày 02/7/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:** Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Ú sống chung với nhau vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 354 ngày 25/12/2002). Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc, thời gian về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. anh Ú không chăm lo cuộc sống gia đình, thường hay cãi nhau, chị và anh Ú đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Ú.

**- Về con chung:** Trong thời gian chung sống có 02 người con tên Lê Quốc K, sinh năm 2003 và Lê Huyền T, sinh ngày 22/6/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu xem xét nguyện vọng của cháu T. Đối với K đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

**- Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Đ xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn Ú: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Lê Văn Ú vẫn vắng mặt không lý do; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Lê Văn Ú có nơi cư trú tại khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Văn Ú, yêu cầu nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị Đ là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị Đ là nguyên đơn, anh Ú là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Đ có đơn xin vắng mặt, anh Ú vắng mặt. Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn Ú xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Đ và anh Ú phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống không hòa hợp, không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh Ú đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị được ly hôn với anh Ú.

*[3] Về con chung:* Trong thời gian chung sống Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn Ú có 02 người con chung tên Lê Quốc K, sinh năm 2003 và Lê Huyền T, sinh ngày 22/6/2008. Khi ly hôn, K đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị yêu cầu xem xét nguyện vọng của cháu T ở với ai thì người đó nuôi. Xét, con chung tên Lê Huyền T. Hiện nay đang sống cùng với anh Ú, từ khi chị và anh Ú sống ly thân đến nay cháu T sống cùng với anh Ú, gần gũi với anh Ú, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Lê Huyền T cho anh Lê Văn Ú được trực tiếp nuôi dưỡng (Phù hợp với ước nguyện của cháu T tại biên bản ghi ý kiến ngày 02/7/2024). Chị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

*[4] Về cấp dưỡng:* Chị Đ không đặc ra, anh Ú không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị Đ xác định không có nên HĐXX không đặt ra xem xét. Sau này có phát tranh chấp được giải quyết ở vụ án khác

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xír:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ về việc ly hôn với anh Lê Văn Ú.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Huyền T, sinh ngày 22/6/2008 (Giới tính: Nữ) cho anh Lê Văn Ú trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp số tiền 300.000 đồng; Ngày 17/6/2024 chị Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005153 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Công**